

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 11 - 2021
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoa
2. Ông Ngô Văn Bi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trương Thị H** - Sinh năm: 1966 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn M** - Sinh năm: 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:*

Bà và ông M chung sống như vợ chồng vào năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức cưới và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông M đánh đập bà nên bà và ông M đã sống ly thân hơn 34 năm. Mâu thuẫn kéo dài đến nay thì trầm trọng do không hàn gắn tình cảm được. Nay bà H cho rằng, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1987. Hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông M không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Mười đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà M về việc xin ly hôn*; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị H xác định bà và ông Nguyễn Văn M xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1986 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có tổ chức cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, ông M chưa có ý kiến gì đối với lời trình bày của bà H. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang (nơi bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú), Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (nơi ông M có đăng ký hộ khẩu thường trú) thì bà H và ông M chung sống với nhau vào năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn là đúng sự thật, tuy nhiên ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1987 do đó có đủ căn cứ để xác định hôn nhân của bà H và ông M được xác lập vào trước ngày 03/01/1987 theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và khoản 1 Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ.

Bà H trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông M đánh đập bà nên bà và ông M đã sống ly thân hơn 34 năm. Mâu thuẫn kéo dài đến nay thì trầm trọng do không hàn gắn tình cảm được. Xét thấy, mâu thuẫn của ông bà đã phát sinh kéo dài nhiều năm, ông bà cũng không chung sống với nhau 34 năm. Ông M được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa trình bày ý kiến, chứng tỏ ông không quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà H.

Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: bà H trình bày có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1987 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: bà H trình bày ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Trương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về án phí: Bà H phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49705 ngày 11/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Bà H đã nộp đủ án phí.

Bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện TPĐ;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phú, huyện TPĐ;
- UBND xã Phước Trung, huyện GCD;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

